HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 24/2018/NQ-HĐND	*Bắc Giang, ngày 07 tháng 12 năm 2018*

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

SỞ NN VÀ PTNT BẮC GIANG
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 6646
Ngày 18 tháng 12 năm 2018

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 249/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Uỷ ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Người ký: Hội đồng Nhân dân tỉnh
Email: hdnd_vt@bacgiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Bắc Giang
Thời gian ký: 17.12.2018 14:43:52 +07:00
Xác thực & Bảo mật

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang khoá XVIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính Phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

Bản điện tử:
- Các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XVIII;
- Thường trực: Huyện ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Cổng thông tin đại biểu dân cử Bắc Giang;
- TT thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, bao gồm: Hỗ trợ thuế thu nhập doanh nghiệp; hỗ trợ lãi suất; hỗ trợ tập trung đất đai; hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, bao bì nhãn mác sản phẩm, tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm; hỗ trợ tham gia hội trợ, triển lãm trong và ngoài nước dành riêng cho khu vực hợp tác xã; hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012 trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và các dịch vụ có liên quan (sau đây gọi tắt là hợp tác xã nông nghiệp).

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Đối với nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau của Trung ương và của tỉnh thì hợp tác xã nông nghiệp được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

2. Khuyến khích cấp huyện, cấp xã huy động các nguồn lực để hỗ trợ thêm cho các hợp tác xã nông nghiệp đảm bảo không vượt quá tổng chi phí thực hiện chính sách.

Chương II
CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ, KHUYẾN KHÍCH ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

Điều 4. Hỗ trợ thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Điều kiện hỗ trợ: Các hợp tác xã nông nghiệp thành lập mới theo Luật Hợp tác xã năm 2012 có nhu cầu hỗ trợ và có kê khai nộp thuế thu nhập trong năm đề nghị hỗ trợ được cơ quan thuế xác nhận theo quy định.

2. Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm đầu và hỗ trợ 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm tiếp theo đối với hợp tác xã nông nghiệp thành lập mới kể từ khi phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp để bổ sung vào nguồn vốn hoạt động của hợp tác xã và nguồn vốn này không chia cho thành viên hợp tác xã, hợp tác xã thành viên.

Điều 5. Hỗ trợ lãi suất

1. Điều kiện hỗ trợ: Hợp tác xã nông nghiệp được vay vốn tại các ngân hàng thương mại để đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động sản xuất nông nghiệp; mua máy, thiết bị phục vụ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp.

2. Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất vay của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh tối đa không quá 5%/năm tính trên số dư nợ thực tế tối đa không quá 2 tỷ đồng tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ.

3. Thời gian hỗ trợ lãi suất tối đa 03 năm tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại, được hỗ trợ sau khi hoàn thành dự án.

Điều 6. Hỗ trợ tập trung đất đai

1. Hợp tác xã nông nghiệp có dự án nông nghiệp thuộc danh mục khuyến khích đầu tư (tại phụ lục ban hành kèm theo quy định này) thuê lại đất nông nghiệp, mặt nước của hộ gia đình, cá nhân với tổng diện tích thuê tối thiểu từ 10 ha tập trung theo vùng để sản xuất nông nghiệp thì được hỗ trợ kinh phí tương ứng 20% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho 05 năm đầu tiên kể từ khi đi vào hoạt động; giá thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Hợp tác xã nông nghiệp có dự án nông nghiệp thuộc danh mục khuyến khích đầu tư (tại phụ lục ban hành kèm theo quy định này) nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân với tổng diện tích góp vốn tối thiểu 5 ha tập trung theo vùng để hình thành vùng nguyên liệu được hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu với mức hỗ trợ 50 triệu đồng/ha, nhưng không quá 01 tỷ đồng/hợp tác xã và không phải chuyển sang thuê đất đối với diện tích đất nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

3. Hợp tác xã nông nghiệp tập trung đất đai bằng các hình thức quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì được Nhà nước hỗ trợ cả hai nội dung trên.

4. Trong chu kỳ thuê đất của hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp Nhà nước không điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất làm ảnh hưởng đến dự án. Trừ trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 61, 62 Luật Đất đai và các trường hợp đặc biệt phải điều chỉnh kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Luật Đất đai.

Điều 7. Hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, bao bì nhãn mác sản phẩm, tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm

1. Điều kiện hỗ trợ:

a) Hợp tác xã nông nghiệp có các sản phẩm thuộc nhóm sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm và sản phẩm nông sản thuộc Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030;

b) Sản phẩm hỗ trợ được quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều này là sản phẩm đã có giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 50% chi phí xây dựng nhãn hiệu tập thể, nhưng không quá 20 triệu đồng/sản phẩm;

b) Hỗ trợ 50% chi phí thiết kế mới hoặc nâng cấp mẫu mã bao bì, nhãn mác và sản xuất bao bì, nhãn mác sản phẩm, nhưng không quá 200 triệu đồng/sản phẩm;

c) Hỗ trợ 50% chi phí tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm, nhưng không quá 20 triệu đồng/sản phẩm.

Điều 8. Hỗ trợ tham gia hội trợ, triển lãm trong và ngoài nước dành riêng cho khu vực hợp tác xã

1. Điều kiện hỗ trợ: Nằm trong kế hoạch chương trình xúc tiến thương mại được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hằng năm.

2. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ tham gia hội chợ, triển lãm ở nước ngoài: Hỗ trợ 100% các khoản kinh phí nhưng mức tối đa không quá 200 triệu đồng/hợp tác xã và mỗi hợp tác xã chỉ được hỗ trợ 01 lần/năm;

b) Hỗ trợ tham gia hội chợ triển lãm trong nước: Hỗ trợ 100% kinh phí nhưng mức tối đa không quá 20 triệu đồng/hợp tác xã và mỗi hợp tác xã được hỗ trợ tối đa 2 lần/năm.

Điều 9. Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực

Nhà nước hỗ trợ đào tạo cán bộ quản lý cho các hợp tác xã để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ với chuyên ngành phù hợp vị trí công tác và nhu cầu của hợp tác xã tại các cơ sở đào tạo.

1. Điều kiện hỗ trợ:

a) Các chức danh trong hội đồng quản trị, ban Giám đốc, ban kiểm soát, Kế toán được hợp tác xã cử đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Đủ điều kiện tuyển sinh theo yêu cầu của cơ sở đào tạo;

c) Cam kết bằng văn bản làm việc trong khu vực hợp tác xã tối thiểu 5 năm; nếu vi phạm cam kết phải hoàn trả ngân sách nhà nước kinh phí hỗ trợ.

d) Trong kế hoạch đào tạo được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 100% học phí đào tạo theo quy định của cơ sở đào tạo;

b) Hỗ trợ 100% kinh phí mua giáo trình, tài liệu trực tiếp phục vụ chương trình khóa học (không bao gồm tài liệu tham khảo).

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ

1. Ngân sách địa phương.

2. Từ các nguồn tài chính hợp pháp khác./.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Hải

Phụ lục

DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

---

1. Sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo vùng tập trung; xây dựng cánh đồng lớn; trồng cây dược liệu;

2. Đầu tư, phát triển vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến;

3. Chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản tập trung.

4. Sản xuất, phát triển giống cây trồng, giống vật nuôi, giống cây lâm nghiệp, giống thủy sản.

5. Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa và các công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản.

6. Sản xuất nguyên liệu và chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản, chế phẩm sinh học.

7. Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản, dược liệu.

8. Sản xuất thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

9. Đầu tư mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở giết mổ, bảo quản chế biến gia súc, gia cầm, tập trung.